

Bản án số: 73/2023/HS-PT
Ngày: 22/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chất
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Ông Đỗ Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 137/2022/TLPT-HS ngày 13 tháng 10 năm 2022, do có kháng cáo của các Trần Văn H, Đào Văn N, Mạc Văn T, Nguyễn Đăng C, Nguyễn Văn D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

*** Bị cáo kháng cáo:**

1. Trần Văn H, sinh năm 1979; Nơi cư trú: KDC L, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị M; Bị cáo có vợ Trần Thị H1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 12/9/2020 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. Đào Văn N, sinh năm 1983; Nơi cư trú: KDC C, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đào Văn K và bà Đỗ Thị G; Bị cáo có vợ Đặng Thị T1 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 12/9/2020 đến ngày 22/01/2021, sau đó thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. (có mặt tại phiên tòa).

3. Mạc Văn T, sinh năm 1976; Nơi cư trú: KDC L, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Mạc Văn C1 và bà Phạm Thị T2; Bị cáo có vợ Tô Thị H2 và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 12/9/2020 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Văn D, sinh năm 1978, Nơi cư trú: KDC C, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Ngân hàng; Con ông Nguyễn Văn S và bà Lương Thị C2. Bị cáo có vợ Nguyễn Kim L và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

5. Nguyễn Đăng C, sinh năm 1982, Nơi cư trú: KDC L, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Đăng X và bà Nguyễn Thị D1; Bị cáo có vợ Phạm Thị N1 và có 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 12/9/2020 đến ngày 22/01/2021, sau đó thay thế bằng biện pháp bảo lãnh (có đơn rút kháng cáo trước khi phiên tòa được mở, Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm).

*** Bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị: Phạm Thị Q**, sinh năm 1987; Nơi cư trú: KDC L, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương (Tòa án không triệu tập).

*** Người có nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1966; Địa chỉ: KDC C, phường A, thị xã K (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 7/2020, do biết Đào Văn N là chủ lô, đề có nhận các bảng lô đề nên Trần Văn H có đặt vấn đề làm thư ký ghi bán số lô, số đề và thu gom bảng lô đề cho N để được hưởng tiền hoa hồng, N đồng ý. H và N thỏa

thuận: Số lô H được hưởng 5% tổng số tiền thu được; số đề, lô xiên, ba càng H được hưởng 17% tổng số tiền thu được. Các đối tượng đánh số lô, số đề căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng hằng ngày. Hình thức đánh số đề là người chơi đánh theo 2 số hoặc 3 số cuối của giải đặc biệt, đánh số lô là đánh theo 2 số cuối của tất cả các giải, còn đánh lô xiên là đánh 2, 3 cặp số theo 2, 3 số cuối của tất cả các giải từ giải đặc biệt đến giải 7 của kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng hằng ngày. Tỷ lệ thắng thua: với số đề 2 số là nếu người mua thắng thì sẽ được hưởng 80 lần, với số đề 3 số (ba càng) sẽ được hưởng 400 lần, lô xiên 2 hưởng gấp 10 lần, xiên 3 gấp 40 lần, xiên 4 gấp 130 lần, số lô thường sẽ được hưởng gấp 3,5 lần số tiền đã mua, còn nếu người mua số đề, số lô thua thì sẽ bị mất số tiền đã mua. Hằng ngày trước giờ mở thưởng (18 giờ 15 phút) H chuyển bảng lô đề cho N bằng cách chụp ảnh bảng lô đề đã tổng hợp gửi cho N qua zalo, thanh toán thắng thua vào ngày hôm sau. Sau đó H đi gặp gỡ bàn bạc với Mạc Văn T, Phạm Thị Q làm thư ký ghi bán số lô, số đề để nộp cho H thì sẽ được H trả tiền hoa hồng, cụ thể số lô được hưởng 5% tổng số tiền thu được; số đề, lô xiên, ba càng được hưởng 15% tổng số tiền thu được, T, Q đồng ý. Hiến quy định với T, Q hằng ngày T, Q ghi các số lô, số đề cho các đối tượng đánh bạc sau đó T, Q chuyển bảng lô đề cho H trước giờ mở thưởng (18 giờ 15 phút) bằng cách chụp ảnh bảng lô đề đã tổng hợp gửi cho H qua zalo hoặc nhắn tin số lô, số đề qua zalo cho H. Căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc của ngày hôm đó hôm sau H thanh toán với T, Q. Hiến thỏa thuận với Nguyễn Văn D là hằng ngày sau khi nhận được bảng lô đề của T, Q và bảng lô, đề do H ghi, H chụp ảnh gửi qua zalo cho D, sau đó H và D thống nhất với nhau giữ lại một phần số lô, số đề để làm chủ đề trực tiếp thanh toán được thua bằng tiền với các đối tượng đánh bạc (tỉ lệ được thua Hiến 70%, Du 30%); một phần số lô, số đề còn lại H chuyển cho N để được hưởng tiền hoa hồng, D đồng ý.

Ngày 03/07/2020, Q đã bán số lô, số đề cho các đối tượng không biết họ tên, tuổi, địa chỉ được tổng số tiền là 25.270.000 đồng các đối tượng mua số lô, số đề nợ, Q chưa thu được.

Ngày 03/7/2020, T ghi số lô, số đề cho các đối tượng đánh bạc được tổng số tiền là 101.525.000 đồng trong đó có Nguyễn Đăng C dùng điện thoại đi động Sam sung galaxy S10 nhắn tin qua zalo “CtyKNblaza đèn led đèn trang trí” của C đến zalo “you love” của T (T sử dụng điện thoại Iphone 6s màu xám có gắn sim số 0779377508) mua tiền đề hai số là 45.000.000 đồng, tiền ba càng là 2.000.000 đồng, tiền lô xiên ba là 7.000.000 đồng, tiền lô xiên bốn là 2.000.000 đồng, tiền lô thường là 40.000.000 đồng. Đến 17 giờ 14 phút cùng ngày, T sử dụng điện thoại di động iphone 6 màu vàng (gắn sim số 0384964079) chụp ảnh bảng lô đề đã tổng hợp gửi qua zalo “Toi yeu vn” của T đến zalo

“Hien Tran” của H gồm tiền đề hai số là 45.800.000 đồng, tiền ba càng là 1.900.000 đồng, tiền lô thường là 40.000.000 đồng. Đến 18 giờ cùng ngày, Tờ đang chuẩn bị gửi qua zalo cho H gồm tiền đề hai số là 3.105.000 đồng, tiền ba càng là 420.000 đồng, tiền lô thường là 1.100.000 đồng, tiền lô xiên là 9.200.000 đồng (đã được T tổng hợp ra tờ giấy A4) thì bị Công an thị xã K kiểm tra phát hiện, thu giữ của T 01 tờ giấy A4 có ghi số tự nhiên từ 00 đến 99, 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng gắn sim số 0384964079, 01 điện thoại di động Iphone 6s màu xám gắn sim số 0779377508 và số tiền 970.000 đồng. Số tiền 100.555.000 đồng Ca và các đối tượng mua số lô, số đề nợ, Tờ chưa thu được .

Ngày 03/7/2020, H ở nhà thì Nguyễn Văn T3 - sinh năm 1966, trú tại KDC C, phường A, thị xã K dùng điện thoại di động Iphone 7 plus gắn sim số 0989795202 chụp ảnh các số lô, số đề gửi qua zalo “Tú Km” của T3 đến zalo “Hien Tran” của H và nhắn tin SMS đến điện thoại di động Samsung galaxy J8 màu bạc gắn sim số 0966394289 của H mua 02 số đề hai số có số tiền là 80.000 đồng, 03 số lô thường có số tiền là 700.000 đồng, 07 số lô xiên có số tiền là 800.000 đồng, được H tổng hợp ra tờ giấy A4. Đến khoảng 16 giờ 53 phút cùng ngày, sau khi nhận được bảng lô đề của Q, T và bảng lô đề H nhận của T3. Hiến sử dụng điện thoại di động Samsung galaxy J8 màu bạc gắn sim số 0966394289 chuyển các bảng lô đề nhận của T, Q, T3 qua zalo “Hien Tran” của H đến zalo “Adu” của Nguyễn Văn D (điện thoại di động iphone 7 màu vàng đồng gắn sim số 0904.240.368) để thống nhất với D lọc và giữ lại một phần số lô, số đề tương ứng với số tiền là 24.060.000 đồng để làm chủ đề. Một phần số lô, số đề còn lại H tổng hợp trong cùng tờ giấy A4 trên tương ứng với số tiền 72.290.000 đồng gồm tiền đề hai số là 43.950.000 đồng, tiền lô xiên 3 là 150.000 đồng, tiền 3 càng là 1.790.000 đồng, tiền lô thường là 26.400.000 đồng (trong đó H đánh trực tiếp số lô, số đề với N tổng số tiền là 540.000 đồng). Sau đó H sử dụng điện thoại di động Samsung galaxy J8 màu bạc gắn sim số 0966394289 chụp ảnh bảng lô đề Hiến tổng hợp trên gửi qua zalo “Hien Tran” của H đến zalo Hà Đức C3” của Đào Văn N (Nhất sử dụng điện thoại di động Iphone 4 màu đen gắn sim số 0968.719.529). Đến 17 giờ 50 phút cùng ngày thì Công an thị xã K kiểm tra phát hiện thu giữ của H 01 điện thoại di động Samsung galaxy J8 màu bạc gắn sim số 0966394289, 01 điện thoại NOKIA 105 màu đen gắn sim số 0355.385.315, 01 bút bi mực xanh, 01 máy tính casioJFI-120, 01 tờ giấy A4 ghi các số tự nhiên; thu giữ của Du 01 điện thoại di động Iphone 7 màu vàng đồng gắn sim số 0904.240.368. Sau đó Đào Văn N và Nguyễn Đăng C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã K đầu thú khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 05/9/2022, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương:

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 321, điểm b khoản 2, 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn H.

Căn cứ: điểm b khoản 2, 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đào Văn N.

Căn cứ: điểm b khoản 2, 3 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mạc Văn T.

Căn cứ: điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đăng C.

Căn cứ: khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

Căn cứ: điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ: Điều 331, Điều 333 của bộ Luật tố tụng hình sự.

Căn cứ: Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

- Bị cáo Trần Văn H phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”
- Bị cáo Đào Văn N và bị cáo Mạc Văn T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.
- Bị cáo Nguyễn Đăng C, Nguyễn Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt:

1. Xử phạt bị cáo Trần Văn H 05 năm 10 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; 03 năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 08 năm 10 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/9/2020.

2. Xử phạt bị cáo Đào Văn N 05 năm 02 tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giam (từ ngày 12/9/2020 đến ngày 22/01/2021), bị cáo còn phải chấp hành 04 năm 09 tháng 20 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Xử phạt bị cáo Mạc Văn T 05 năm 05 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 12/9/2020.

4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng C 03 năm tù, được trừ đi thời gian tạm giam (từ ngày 12/9/2020 đến ngày 22/01/2021), bị cáo còn phải chấp hành 02

năm 07 tháng 20 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị Q, hình phạt bổ sung, vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/9/2022, bị cáo Đào Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 18/9/2022, bị cáo Trần Văn H kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 12/9/2022, bị cáo Mạc Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14/9/2022, bị cáo Nguyễn Văn D kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 19/9/2022, bị cáo Nguyễn Đăng C kháng cáo xin được hưởng án treo.

Trước khi mở phiên tòa bị cáo Nguyễn Đăng C có đơn rút toàn bộ đơn kháng cáo, Tòa án đã ban hành quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo Đào Văn N, Mạc Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận bản án sơ thẩm quy kết là đúng người đúng tội; Bị cáo Trần Văn H đề nghị Tòa án xem xét số tiền 27.525.000 đồng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội đánh bạc là không đúng và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương sau khi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo, đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại giai đoạn phúc thẩm của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn H, Đào Văn N, Mạc Văn T, Nguyễn Văn D. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 05/9/2022, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo hướng: Giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo Đào Văn N hưởng án treo; Giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Văn H từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù đối với tội “Tổ chức đánh bạc”, xử bị cáo Trần Văn H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, giảm hình phạt cho bị cáo Trần Văn H từ 16 tháng tù đến 21 tháng tù (do chuyển khoản); Giảm hình phạt cho bị cáo Mạc Văn T từ 04 tháng tù đến 05 tháng tù; Giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo Nguyễn Văn D hưởng án treo, cụ thể:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”. Các bị cáo Đào Văn N, Mạc Văn T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Bị cáo Nguyễn Văn D, phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt, bị cáo Trần Văn H từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù đến 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho 2 tội từ 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng đến 06 (sáu) năm 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 12/9/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 322; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; khoản 1,2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Văn N 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Mạc Văn T từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) 01 (một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 12/9/2020.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về án phí: Các bị cáo Trần Văn H, Đào Văn N, Mạc Văn T, Nguyễn Văn D không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Đăng C rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ xét xử nên không phải xem xét.

Các Bị cáo nói lời sau cùng: Các Bị cáo rất ân hận và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Trước khi mở phiên tòa bị cáo Nguyễn Đăng C rút toàn bộ đơn kháng cáo. Việc rút đơn kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Căn cứ khoản 1 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đăng C. Do đó, hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của bị cáo C.

[2]. Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã quy kết và xác nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo thấy phù hợp với lời khai nhận tội của chính các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo khác trong cùng vụ án cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định:

Bị cáo H là người đặt vấn đề với bị cáo N gom các bảng lô, bảng đề cho bị cáo N, bị cáo N sẽ trả % hoa hồng: Cụ thể, bị cáo N trả cho bị cáo H 17% trên tổng số tiền đề, lô xiên 2, lô xiên 3, lô xiên 4 và trả 5% đối với số lô thường bán được. Bị cáo H là người trực tiếp tìm và thỏa thuận trả % hoa hồng cho các thư ký đề, cụ thể: Trả % hoa hồng cho các bị cáo T, bị cáo Q 15% trên tổng số tiền của số đề, lô xiên 2, lô xiên 3, lô xiên 4 và trả 5% đối với số lô thường bán được. Số tiền bị cáo T bán được vào ngày 03/7/2020 là 101.525.000đồng. Tổng số tiền lô, đề bị cáo H nhận của bị cáo T, bị cáo Q và tiền bán số lô, số đề cho T3 là 128.375.000đồng. Số lô, số đề bị cáo H chuyển lên cho bị cáo Nhất là 72.290.000đồng. Hành vi của các bị cáo H, N, T đã cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” với tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật hình sự. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn đã xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Ngoài hành vi thỏa thuận gom bảng lô, đề cho bị cáo N về hành vi “Tổ chức đánh bạc”, bị cáo H thỏa thuận với bị cáo D: Bị cáo H sẽ giữ lại một phần số lô, số đề để thắng thua với người chơi, thắng thua theo tỉ lệ H chịu 70%, còn D 30% trên số lô, số đề H giữ lại. Kết quả điều tra và lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm xác định: Số lô, số đề bị cáo H và D trực tiếp thắng thua với người chơi vào ngày 03/7/2020 là 24.600.000đồng, trong đó: số lô, số đề bị cáo H lọc và giữ lại là 23.020.000đồng, số lô, số đề bị cáo H bán trực tiếp cho người mua Nguyễn Văn T3 là 1.580.000đồng và trực

tiếp mua thêm số lô, số đề với bị cáo N số lô 55, 52, 66, 77 (100k/con) = 400.000đồng, ba càng 279, 972, 496, 964 (10k/con) = 40.000đồng. Bị cáo D chỉ biết thắng thua với H, không biết H bán số lô, số đề cho ai. Hành vi của bị cáo H, bị cáo D đã cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại Điều 321 của Bộ luật hình sự. Số lô, số đề bị cáo H, bị cáo D trực tiếp thắng thua với người chơi vào ngày 03/7/2020 là 24.600.000 đồng. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử bị cáo D theo khoản 1 Điều 321 là đúng người, đúng tội, phù hợp với quy định của pháp luật; Đối với số lô, số đề bị cáo H chưa chuyển lên cho bị cáo Nhất là 27.525.000 đồng thì số lô, số đề này trách nhiệm thuộc về bị cáo H. Không có cơ sở buộc bị cáo N hoặc bị cáo D có trách nhiệm cùng với bị cáo H phải chịu về số tiền lô, đề này. Tuy nhiên, không có căn cứ xác định H giữ lại số tiền này để đánh bạc nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo H dùng số tiền trên để đánh bạc là không có căn cứ và xác định tổng số tiền bị cáo H sử dụng đánh bạc là 52.125.000 đồng là không đúng. Số tiền bị cáo H sử dụng đánh bạc là 24.600.000 đồng nên hành vi của bị cáo H chỉ cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là không đúng.

Trong vụ án này, bị cáo H là người khởi xướng, đặt vấn đề với N để làm thư ký ghi bán số lô, số đề và nhận các bảng lô, đề của Mạc Văn T, Phạm Thị Q sau đó chuyển một phần cho bị cáo N để hưởng hoa hồng, cùng với Nguyễn Văn D giữ lại một phần để thanh toán thắng thua với các đối tượng đánh bạc nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo N nhận bảng lô đề từ bị cáo H để thanh toán thắng thua với các đối tượng đánh bạc, bị cáo T là thư ký ghi lô đề trực tiếp với người chơi sau đó chuyển cho H để hưởng hoa hồng nên N và T đồng phạm với H về tội “Tổ chức đánh bạc”; Bị cáo Du giữ vai trò đồng phạm về tội đánh bạc.

Quá trình xét xử vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, các tình tiết của vụ án cũng được cấp sơ thẩm cơ bản làm rõ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ được cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng theo quy định của pháp luật từ đó áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo là cần thiết.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn H.

Đối với kháng cáo của bị cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền 27.525.000 đồng bị cáo không sử dụng để đánh bạc: Như đã phân tích tại mục [2] thì Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo H dùng số tiền trên để đánh bạc là không có căn cứ và xác định tổng số tiền bị cáo H sử dụng đánh bạc là 52.125.000 đồng là không đúng. Số tiền bị cáo H sử dụng đánh bạc là 24.600.000 đồng nên hành vi của bị cáo H chỉ cấu thành tội “Đánh bạc” quy

định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm về tội “Đánh bạc” đối với bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt: Bị cáo H sau khi đặt vấn đề và được bị cáo N nhất trí, bị cáo đã tích cực tìm các thư ký ghi lô đề và thỏa thuận % hoa hồng từ số lô, số đề bán được để chuyển cho N. Ngoài ra, bị cáo còn thỏa thuận với bị cáo D giữ lại một số số lô, số đề để thắng thua với người chơi. Bản thân bị cáo còn trực tiếp bán cho người mua là Nguyễn Văn T3 1.580.000đồng, trực tiếp mua thêm số lô, số đề với bị cáo N số tiền 440.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng về nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội, vai trò, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Mức hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, tuy nhiên, xét bị cáo thành khẩn khai báo, hành vi của bị cáo được phát hiện trước khi có kết quả xổ số nên bị cáo chưa được hưởng tiền thu lợi bất chính, do đó Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật và phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương.

[4]. Xét kháng cáo của bị cáo Mạc Văn T.

Bị cáo đã có hành vi giúp bị cáo H tổ chức đánh bạc qua hình thức bán lô đề. Bảng lô, đề của bị cáo bán được là 101.525.000đồng. Bị cáo đã gián tiếp giúp cho bị cáo N thu lợi bất chính số tiền 72.290.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng về nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội, vai trò, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hình phạt cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội và đã tác động gia đình nộp tiền án phí và tiền phạt. Do đó, Hội đồng xét xử thấy việc chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo là thể hiện sự nhân đạo của pháp luật và vẫn có thể cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương.

[5]. Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn N2.

Bị cáo sau khi được bị cáo H đặt vấn đề làm thư ký ghi bán số lô, số đề bị cáo đã nhất trí. Bị cáo H đi gom đề giúp bị cáo tổ chức cho nhiều người đánh bạc, thông qua việc tổ chức đánh bạc bị cáo thu lợi số tiền bất chính 72.290.000đồng. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo đã được phát hiện trước khi có kết quả xổ số và theo thỏa thuận thì hôm sau các bị cáo mới thanh toán tiền thắng thua nên số tiền thu lợi bất chính bản thân bị cáo chưa được nhận. Giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm bị cáo đã có đơn tố giác tội phạm gửi Công an thị xã K tố giác đối tượng có hành vi bán trái phép chất ma túy. Qua tin báo của bị cáo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K đã đến hiện trường

và bắt giữ được người phạm tội. Cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa đúng, Tòa án cấp phúc thẩm sửa và áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm*” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội và đã nộp tiền án phí, tiền phạt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh trong gian đoạn phúc thẩm. Xét bị cáo có nhân thân tốt, và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử thấy việc áp dụng Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự xét xử bị cáo dưới khung hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe và thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[6]. Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo D.

Bị cáo biết bị cáo H gom bảng đề cho bị cáo N2 tổ chức đánh bạc, bị cáo đã thỏa thuận với bị cáo H lọc lại những số lô, đề có thể trúng để sát phạt trực tiếp với người chơi. Số tiền bị cáo đánh bạc là 24.600.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo 12 tháng tù là phù hợp pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[7]. Về truy thu số tiền bị cáo H, bị cáo D sử dụng để đánh bạc:

Bị cáo H, D thống nhất khi nhận được bảng đề của Q, T chuyển lên trước khi chuyển cho bị cáo N2, bị cáo H sẽ chọn lọc một số số lô và số đề để lại để hai bị cáo trực tiếp đánh bạc với người chơi. Bị cáo T, Q không biết bị cáo H giữ lại không chuyển cho N2. Hành vi của các bị cáo bị phát hiện và ngăn chặn trước khi có kết quả xổ số, do đó toàn bộ số tiền các bị cáo sẽ sử dụng để đánh bạc đang được quản lý tại chỗ bị cáo Q, bị cáo T. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên truy thu của bị cáo T, Q nhưng đồng thời lại tuyên buộc hai bị cáo phải nộp lại số tiền trên là chưa đúng. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm sửa phần truy thu tiền đánh bạc của bị cáo H, D đối với số tiền 24.600.000 đồng.

[8]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

[9]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo N2, H, Tờ kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Bị cáo D kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đào Văn N, Trần Văn H, Mạc Văn T.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn D.

[1]. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đào Văn N và bị cáo Mạc Văn T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Bị cáo Trần Văn H phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”; Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

[2]. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Căn cứ: điểm b khoản 2, 3 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn H.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 05 (năm) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 06 (sáu) năm 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/9/2020.

2.2. Căn cứ: điểm b khoản 2, 3 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mạc Văn T.

Xử phạt bị cáo Mạc Văn T 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/9/2020.

2.3. Căn cứ: điểm b khoản 2, 3 Điều 322; điểm s,t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đào Văn N.

Xử phạt bị cáo Đào Văn N 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo [HYPERLINK \l "link" \o "Họ và Tên: Đào Văn nhất"](#)Đào Văn N cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.4. Căn cứ: khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn D. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 22/6/2023).

[3]. Căn cứ Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương về phần vật chứng như sau: Truy thu của bị cáo H 540.000đồng bị cáo mua số đề của bị cáo N. Không truy thu của bị cáo H 17.220.000 đồng và bị cáo D 7.380.000 đồng.

[4]. Xác nhận bị cáo Đào Văn N đã nộp 30.000.000đồng tiền phạt và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số AA/2011/09314 ngày 05/8/2021 và Biên lai thu tiền số AA/2020/0000436 ngày 24/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn; Bị cáo Mạc Văn T đã nộp 20.000.000đồng tiền phạt và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0000447 ngày 26/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đào Văn N, Trần Văn H, Mạc Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại giam công an tỉnh Hải Dương
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- TAND thị xã K (02 bản);
- VKSND thị xã K;
- CQCSĐT Công an thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Tòa HS, Tòa HC; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

